TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2024/DS-PT
Ngày 07-3-2024
"V/v Tranh chấp đòi lại tài sản".

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tặng

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tấn Lợi;
Bà Kiều Kim Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Trung Đến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 420/2023/TLPT-DS ngày 30 tháng 11 năm 2023, về việc "*Tranh chấp đòi lại tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2023/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 96/2024/QĐ-PT ngày 31 tháng 01 năm 2024, giữa:

* *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

* *Bị đơn*: Bà Trần Kim T1, sinh năm 1957;

Địa chỉ: số H, ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

* ***Người kháng cáo***: Bà Trần Kim T1 là nguyên đơn.

Chị T, bà T1 có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ T trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Lệ T có mối quan hệ với bà Trần Kim T1 bà con với nhau, bà T1 là thiếm ruột bà T. Trước đây trên phần đất của bà Phạm Thị T2 có một lối đi và một đường nước nhưng đã bị san lắp một phần. Vào ngày 27/12/2020, bà Phạm Thị T2 có cho người quản lý của chủ đất liền kề lắp phần con mương còn lại vì sợ sạt lỡ nên bà T2 có thông báo cho bà T biết để đặt bộng dẫn nước từ sông vào vườn để tưới tiêu. Bà T có thỏa thuận với bà T1 là sẽ mua ống nhựa loại Hoa Sen, số lượng 30 cây loại 04m, phi 140 đặt đường nước từ lộ vào ruộng giá là 9.810.000 đồng (có hóa đơn chứng từ), bà T và bà T1 mỗi người trả phân nữa số tiền mua ống nhựa, bà T ứng tiền để mua, sau này bà T1 có tiền trả lại bà T. Bà T1 đồng ý và mỗi bên thuê 01 người làm công và trả tiền thuê cho người đó.

Nay bà T yêu cầu bà T1 trả tiền mua 15 ống nhựa như đã thỏa thuận là 4.905.000 đồng, nếu bà T1 không đồng ý trả tiền đã mượn theo thỏa thuận là 4.905.000 đồng, thì bà T sẽ đào lên gỡ lấy phần ống nhựa bà T1 đang sử dụng dẫn nước.

Bị đơn bà Trần Kim T1 trình bày:

Bà Trần Kim T1 cho rằng việc bà T đặt bộng không có thỏa thuận gì với bà. Bà cũng không có mượn tiền của bà T nên bà không đồng ý trả cho bà T 4.905.000 đồng. Trước đây, phần đất mà bà T đặt bộng là của bà Võ Thị G là mẹ chồng của bà T1, cho bà Phạm Thị T2, có sẵn một đường nước trên trăm năm và bà sử dụng đường nước này từ rất lâu để tưới tiêu cho vườn cây phía sau. Tuy nhiên, vào đầu năm 2022, bà T tự ý bơm cát lấp phần con mương này. Trong quá trình bơm cát bà T có đặt bộng dẫn nước vào các thửa đất bên trong nhưng không có thông báo cho bà T1 biết và không có thỏa thuận gì cả. Do đó, việc san lắp con mương và đặt ống nhựa dẫn nước là do bà T tự thực hiện. Bà Trần Kim T1 không có vay mượn tiền gì của bà T. Trường hợp bà T đào gỡ phần ống nhựa lên thì bà T1 sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác nếu gây thiệt hại cho T1.

Tại quyết định bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2023/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Lệ T.

Buộc bà Trần Kim T1 trả lại cho chị Nguyễn Thị Lệ T 4.905.000 đồng tiền mua ống nhựa để đặt bộng dẫn nước;

2. *Về án phí:*

Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Lệ T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0015376 ngày 05/12/2022 tại Chi cục thi hành dán Dân sự huyện C, Đồng Tháp;

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20 tháng 9 năm 2023, bà Trần Kim T1 là bị đơn kháng cáo không đồ ý trả cho chị T số tiền 4.905.000 đồng, vì không có thỏa thuận, không có vay mượn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận kháng cáo của bà T1, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phần đất của bà T1 nằm ở phía sau đất của bà Phạm Thị T2 (là mẹ của chị T), trước năm 2020 chị T và bà T1 sử dụng con mương nằm trên đất của bà T2 để dẫn nước tưới tiêu vào phần đất của mình. Đến năm 2020, bà T2 sang lấp con mương, nên chị T có thỏa thuận với bà T1 đặt đường ống dẫn nước tưới tiêu vào phần của chị T và bà T1 mỗi người chịu ½ chi phí đặt đường ống dẫn nước. Theo chị T do bà T1 là thiếm dâu không có tiền, nên chị T tạm ứng tiền mua ống dẫn nước và đồng ý cho bà T1 một năm sau trả tiền. Ngày 27/12/2020, chị T mua 30 cây ống nhựa dẫn nước Hoa Sen phi 140, mỗi cây 4m, tổng cộng số tiền 9.810.000 đồng chia 02 người là 4.905.000 đồng, nhưng đến nay bà T1 không trả 4.905.000 đồng, nên chị T khởi kiện yêu cầu bà T1 trả số tiền 4.905.000 đồng.

[2] Bà T1 cho rằng không có việc thỏa thuận lấp đặt đường ống dẫn nước với chị T và cũng không có việc vay mượn tiền của chị T, nên không đồng ý trả cho chị T số tiền 4.905.000 đồng.

[3] Án sơ thẩm xử buộc bà T1 trả cho chị T số tiền 4.905.000 đồng. Bà T1 không đồng ý có đơn kháng cáo.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T và bà T1 đều thừa nhận con mương mà chị T và bà T1 sử dụng trước khi lấp đặt đường ống dẫn nước thuộc quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị T2.

[5] Xét kháng cáo của bà T1 không đồng ý trả cho chị T số tiền 4.905.000 đồng. Xét thấy, về phía chị T mặc dù không có tài liệu chứng minh là chị T có thỏa thuận lấp đặt đường ống dẫn nước với bà T1 và chị T là người tạm ứng tiền trước để mua vật tư (các ống nước). Tuy nhiên, theo biên bản ghi lời khai ngày 27/6/2023, ông Nguyễn Ngọc N là chồng của bà T1 thừa nhận khi chị T lấp đặt đường ống dẫn nước thì ông N, con của ông N và bên ông N có thuê 01 người, bên chị T thuê một người cùng lấp đặt đường ống dẫn nước, ông N trả tiền cho người ông N thuê. Theo biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 26/6/2023 và tại phiên phúc thẩm, bà T1 thừa nhận chị T có lấp đặt đường ống dẫn nước để tưới tiêu và bà T1 có thuê một người, chị T có thuê một người, người nào thuê thì người đó trả tiền và bà T1 cũng thừa nhận hiện đang sử dụng đường ống dẫn nước tưới tiêu do chị T cùng gia đình bà T1 lấp đặt. Như vậy, bà T1 mặc nhiên thừa nhận có việc thỏa thuận lấp đặt đường ống dẫn nước. Đồng thời, bà T1 hiện đang sử dụng đường ống dẫn nước tưới tiêu do chị T và gia đình bà T1 lấp đặt, nên việc chị T yêu cầu bà T1 hoàn trả số tiền lấp đặt đường ống dẫn nước là có cơ sở.

[6] Về số tiền mua vật tư ống dẫn nước. Theo 02 hóa đơn ngày 27/12/2020 của Cửa hàng N1 thể hiện khách hàng là anh P mua, mỗi hóa đơn là 15 cây ống Hoa Sen phi 140 x 02 x 327.000 đồng= 9.810.000 đồng.

[7] Theo lời khai ngày 07/9/2023 của chị Lê Thị Thanh T3 là chủ Cửa hàng N1 xác định: năm 2020 Cửa hàng của chị T3 có bán cho anh P 30 cây ống Hoa Sen phi 140, mỗi cây 4m giá 327.000 đ/cây thành tiền là 9.810.000 đồng.

[8] Anh Trần Thanh T4 (tự P) thừa nhận ngày 27/12/20220 có mua dùm chị T 30 ống Hoa Sen phi 140 tại Cửa hàng N1.

[9] Qua các chứng cứ xác định số tiền chị T mua vật tư (ống dẫn nước) là 9.810.000 đồng, chị T yêu cầu bà T1 trả ½ chi phí số tiền lắp đặt ống nước là 4.905.000 đồng là có cơ sở. Án sơ thẩm xử buộc bà T1 trả cho chị T số tiền 4.905.000 đồng là có căn cứ. Vì thế, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng

cáo của bà T1.

[10] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là không chấp nhận kháng cáo của bà T1 là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Kim T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[12] Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên bà T1 phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, bà T1 là người cao tuổi, có đơn xin miễn tiền án phí phúc thẩm. Căn cứ vào Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội, nên Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà T1.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Kim T1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2023/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Lệ T.

Buộc bà Trần Kim T1 trả lại cho chị Nguyễn Thị Lệ T 4.905.000 đồng (tiền mua ống nhựa để đặt ống dẫn nước).

2. *Về án phí:*

Miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho bà T1.

Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Lệ T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0015376 ngày 05/12/2022 tại Chi cục thi hành dân sự huyện C, Đồng Tháp;

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án (T).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚCTHẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Tặng